

Tập 286

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang sáu trăm lẻ bảy:

Tam, kết thích chú ý.

(Chú) Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni.

三結釋咒意。

(咒)拔一切業障根本得生淨土陀羅尼。

(Ba, là kết luận bằng giải thích ý nghĩa của bài chú.

Chú: Đà La Ni để dẹp trừ căn bản của hết thảy các nghiệp chương, được sanh về Tịnh Độ).

Trong phần chú giải, Liên Trì đại sư đã bảo:

(Sớ) Thích chú ý giải.

(疏)釋咒意者。

(Sớ: Giải thích ý nghĩa của bài chú).

Giải thích chú Vãng Sanh. Chú vốn chẳng thuộc vào kinh Di Đà, nhưng chú Vãng Sanh cũng là dùng Mật pháp để chuyên tu Tịnh Độ. Liên Trì đại sư ghép chú này vào kinh là có dụng ý đặc biệt. Trong Sớ Sao, sau mỗi đoạn, chúng ta đều thấy phần Xưng Lý. Lý chính là cách giảng giải tâm tánh theo Thiên Tông. Xưng Lý là bàn luận xưng tánh, thuộc về Thiên Tông. Do vậy, phương thức chú giải của Ngài là “*Thiên Tịnh bất nhị*”. Cuối bản chú giải lại thêm vào chú Vãng Sanh, mang ý nghĩa “*Hiển Mật bất nhị*”. Do vậy, mới thấy Tịnh Tông thật sự viên dung khôn sánh. Từ xưa đến nay, rất nhiều bản chú giải chẳng theo thể lệ này. Vì thế, đây là một phen khổ tâm của Liên Trì đại sư lão nhân gia, không gì chẳng nhằm mong mỗi chúng ta ai nấy đều có thể tin hiểu, ai nấy đều có thể niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đó là đại sự! Một lòng đau đáu, chân thật từ bi!

(Sớ) Dĩ chú phụ kinh, kinh đắc chú nhi di hiển, dĩ kinh tiên chú, chú đắc kinh nhi dĩ linh, giao tương vi dụng, ưng kết thích dã.

(疏)以咒附經，經得咒而彌顯，以經先咒，咒得經而愈靈，交相為用，應結釋也。

(Sớ: Dùng chú ghép vào kinh, kinh nhờ chú mà càng thêm rõ rệt. Do đặt kinh trước chú, chú nhờ kinh mà càng linh, sử dụng xen lẫn với nhau, cho nên phải giải thích thần chú để kết thúc [bản chú giải này]).

“*Dĩ chú phụ kinh*” [nghĩa là] trước hết là giảng kinh, sau đây, kèm thêm chú, chú ở phía sau kinh. “*Kinh đắc chú nhi di hiển*” (Kinh nhờ chú mà càng thêm rõ rệt), câu này nên nói như thế nào? Chúng ta ắt cần phải biết: Thuở đức Phật tại thế thuyết pháp là ứng theo căn cơ để nói. Nếu đức Phật nói với hàng sơ cơ (người mới học), đức Phật sẽ nói rất rõ ràng, rất đơn giản, hoàn toàn chẳng khó hiểu, khiến cho kẻ sơ cơ có thể tiếp nhận. Người căn khí to lớn, thông minh, trí huệ, có sức lãnh ngộ rất mạnh, đức Phật sẽ thuyết pháp khá thâm nhập. Nay chúng ta thấy đích xác là khá sâu, thường là chúng ta thấy rất khó lý giải, rất khó hiểu. Thông thường, khi nói đại kinh, trên thực tế, nhục nhãn của chúng ta chẳng thấy: Còn có những vị quý thần, thiên long bát bộ cũng tham dự pháp hội ấy. Đức Phật nói với chúng ta là hiển thuyết! Phải dùng ngôn ngữ của chúng ta để nói thì chúng ta mới nghe hiểu. Những vị quý thần đều có Ngũ Thông; do vậy, hàng quý thần đều có thể hiểu ngôn ngữ nhân gian. Họ cũng hết sức thích nghe đức Phật giảng kinh, thuyết pháp. Trong một bộ kinh, sau khi đã giảng viên mãn, đức Phật thường dùng chú. Chú ngữ hoàn toàn chẳng phải là tiếng Ấn Độ, mà cũng chẳng phải là tiếng Phạn. Trên thực tế, chú ngữ là ngôn ngữ của quý thần. Đức Phật nói mấy câu ấy, nhằm nói với những quý thần đến tham gia pháp hội, dùng ngôn ngữ của họ để nói mấy câu. Nói theo phía họ, [những câu ấy] hết sức thân thiết, có ý nghĩa này. Nội dung đã nói [trong mấy câu “chú” ấy] chính là cương lĩnh trong kinh. Vì thế, chú chính là mật thuyết của kinh, kinh là hiển thuyết của chú, nội dung thật ra như nhau. Một đằng nói rất tỉ mỉ, một đằng là nêu ra cương lĩnh, giống như giảng mấy đề mục, có ý nghĩa như thế đó. Mật chú trong kinh Phật bèn trở thành một loại thể lệ đặc biệt, trong văn học thông thường của Ấn Độ chẳng có.

Quý thần đối với những kẻ bình phàm như chúng ta mà nói thì có cảm ứng. Thiện thần có cảm ứng với con người, mà tà thần, ác quỷ cũng có cảm ứng với loài người. Trong ấy có cát, hung, họa, phước sai khác rất lớn. Sự cảm ứng ấy có phải là do niệm chú bèn có cảm ứng hay không? Niệm chú là một phương thức, nhưng chẳng phải là chủ yếu nhất. Điều chủ yếu, nói theo cách hiện thời, sẽ là “*tâm điện cảm ứng*”, còn ở Trung Hoa, vào thời cổ thì nói là “*thành tắc linh*”, [nghĩa là] chí thành sẽ linh. Trong cái lòng Thành ấy, rốt cuộc là thiện hay ác chẳng nhất định! Chỉ

nói đến “thành” thì trong Thành chẳng có thiện hay ác, nhưng trên cơ sở lòng Thành, nguyện cầu của chúng sanh có thiện hay ác! Có người tâm địa rất từ bi, cầu thiện phước cho hết thảy chúng sanh. Cái tâm ấy là thiện lương. Có kẻ cầu quỷ thần chỉ nhằm cầu lợi ích cho chính mình, chẳng sợ tổn hại kẻ khác. Cái tâm ấy chẳng lành. Do vậy, lòng Thành có thể cảm chư Phật, Bồ Tát, mà cũng có thể cảm hết thảy thiện thần, cũng có thể cảm hết thảy ác thần. Sau khi đã cảm, trong sự nguyện cầu ấy bèn có thiện hay ác, có cát, hung, họa, phước. Chúng ta chớ nên chẳng biết điều này!

Kinh và chú hợp lại, cũng như là nói “*Hiển Mật viên dung*”. Vì thế, nghĩa thú của kinh phi thường “*minh hiển*”. “*Hiển*” là hiển lộ. Tuy nói như vậy cũng chẳng phải là nói sai, nhưng muốn thật sự nhằm hiển lộ ý nghĩa của kinh, mà nêu tâm chúng ta chẳng thành, sẽ chẳng thể hiển lộ được! Nếu quý vị hỏi vì sao ư? Câu “*nguyên giải Như Lai chân thật nghĩa*” trong bài kệ khai kinh phải giải thích như thế nào? Chỉ là dùng suy nghĩ để hiểu, chẳng có cách nào đạt được. Chúng ta đọc nhiều, nghiên cứu nhiều, tư duy nhiều, có thể hiểu nổi hay chẳng? Chẳng thể hiểu! Do nguyên nhân gì? Ngôn ngữ của Phật và hết thảy các kinh do đức Phật đã nói đều là từ trong chân tâm tự tánh tự nhiên lưu lộ, chẳng thêm vào mảy may phân biệt, tưởng tượng nào. Chúng ta dùng cái tâm phân biệt, dùng cái tâm suy xét, làm sao có thể thấu hiểu nghĩa chân thật cho được? Dụng tâm chẳng tương ứng! Giống như nguồn nước, nguồn nước của người ta là nước trong, nguồn nước của chúng ta là nguồn đục. Nước đục mong liễu giải nước trong, chảy vào nước trong, nước trong cũng biến thành đục. Nay chúng ta hiểu sai ý nghĩa chân thật của Như Lai, hiểu cong queo nghĩa chân thật của Như Lai, chẳng thể thật sự lý giải. Mong thật sự lý giải, dùng phương pháp gì? Tâm thanh tịnh. Phật tâm là thanh tịnh, tâm chúng ta cũng là thanh tịnh thì được, quý vị bèn lý giải, bèn thông hiểu ý nghĩa của Như Lai. Tâm giống như Phật tâm, giải giống như Phật giải, thì mới có thể tương ứng. Nói tóm gọn một câu, nhất định phải tu Định.

Trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ của Tịnh Tông, nửa trước dạy chúng ta ba đại cương lãnh của tu hành: “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Đối với ba đại cương lãnh, chúng ta chỉ cần nắm được một điều là được rồi. Thí dụ như chúng ta tu tâm thanh tịnh, tâm đã thanh tịnh, đương nhiên là bình đẳng. Tâm chẳng bình đẳng, tuyệt đối chẳng thể thanh tịnh. Tâm chẳng thanh tịnh, chắc chắn chẳng thể nào giác. Ba điều ấy tuy một mà ba, tuy ba mà một. Dụng công từ bình đẳng cũng được, mà dụng công từ giác cũng được, nhưng đối với hàng phàm phu nghiệp chướng sâu nặng như

chúng ta mà nói, dụng công từ cái tâm thanh tịnh sẽ thuận tiện hơn, dễ dàng hơn.

Tôi khuyên dạy mọi người: Nhập Phật môn, trước hết hãy đọc một bộ kinh suốt ba năm, hết thấy những thứ khác đều buông xuống. Vì sao phải làm như vậy? Nhằm tu cái tâm thanh tịnh. Niệm một bộ kinh, tâm dễ dàng thanh tịnh. Quý vị niệm nhiều, xem nhiều [bộ kinh khác nhau], tự nhiên sẽ suy nghĩ loạn xạ. Nói cách khác, lợi ích gì quý vị cũng đều chẳng đạt được! Phật môn nói tới công đức: “*Công*” (功) là công phu, “*đức*” (德) là đạt được cái tâm thanh tịnh, đạt được tâm bình đẳng, khai trí huệ. Giác là khai trí huệ. Trong tâm quý vị có lắm nỗi vọng tưởng, chấp trước, phân biệt ngàn ấy, đầu tu hành siêng khổ cách mấy, vẫn là phiền não một đồng to đùng! Vọng tưởng một đồng to kèn! Hoàn toàn chẳng có trí huệ! Đó là “tu uổng công”, nói thật ra, sẽ là “tu hành chẳng đắc pháp”.

Đối với kẻ chẳng mong tu hành thật sự, chúng ta thấy họ bèn cười cho xong chuyện. Đối với kẻ thật sự muốn tu, họ đến gặp ta, ta sẽ dạy họ phương pháp. Hôm nay có mấy người bạn đến gặp tôi, trong đó, có một vị là Phật tử học Mật, cũng học chẳng ít năm, kể với tôi: “Vọng tưởng quá nhiều, phiền não quá nhiều, mong đè nén, nhưng chẳng đè nén được! Niệm chú cũng không được, niệm Phật cũng không được, xem kinh cũng không được. Nói huych toẹt là chẳng biết làm sao!” Tôi cười cho qua chuyện. Người ấy chẳng phải là chân tâm! Đến chỗ tôi, thấy cuốn sách này cũng thích, thấy tác phẩm kia cũng thích. Người ấy thích quá nhiều thứ! Thứ gì cũng đều chẳng buông xuống được. Đó chẳng phải là người chân tu. Người thật sự tu hành, không chỉ là hết thấy trong thế gian này đều buông xuống, [ngay cả] Phật pháp cũng phải buông xuống. Chọn một bộ kinh, thâm nhập một môn, từ một bộ kinh mà thành tựu Giới, Định, Huệ, thành tựu Căn Bản Trí. Đã đạt được Căn Bản Trí, sau đấy mới cầu giải. “*Giải*” ấy sẽ là chánh giải, chẳng trở thành hiểu cong queo, chẳng hiểu sai be bét! Quý vị chẳng có Căn Bản Trí, nói cách khác, tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Đừng nói là quý vị xem kinh bèn hiểu cong vậy, mà quý vị đến nghe giảng cũng nghe hiểu sai be bét ý nghĩa của tôi! Ngay cả ý nghĩa do tôi nói mà kẻ ấy còn hiểu sai, làm sao kẻ ấy chẳng hiểu sai be bét ý nghĩa của Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức cho được? Có thể thấy: Mấu chốt là ở chỗ dụng tâm.

Nếu muốn “*kinh đặc chú nhi di hiển*” (kinh nhờ có chú mà càng thêm rõ rệt), chúng ta nhất định phải tu học đúng pháp, phải tu cái tâm thanh tịnh chân thật. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng là trí huệ. Trong khá nhiều kinh luận, đức Phật đã giảng về tâm hạnh của mười pháp giới. Mười pháp giới dùng cái tâm gì? Tâm Phật là “*thanh tịnh, bình đẳng*”. Chúng

ta mong học Phật, mong tu Tịnh Độ. Tịnh Độ là pháp môn để phàm phu trực tiếp thành Phật. Chúng ta đọc kinh, niệm Phật, nhằm mục tiêu niệm cho ra sự “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” nơi chính mình. Thanh tịnh, bình đẳng, giác vốn sẵn có, chẳng phải là do bên ngoài mà có, nó là chân tâm, là bản tánh. Tâm Bồ Tát là Lục Độ. Bồ Tát tuyệt đối chẳng có chính mình, sẽ không nghĩ tới “có chính mình”. Nếu nghĩ “có chính mình”, kẻ ấy chắc chắn chẳng phải là Bồ Tát. Kinh Kim Cang dạy: “*Bồ Tát có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức chẳng phải là Bồ Tát*”, nói rất minh bạch. Bồ Tát quyết định chẳng có chính mình, khởi tâm động niệm đều nghĩ tới hết thấy chúng sanh.

Bồ Tát nhập thế, tiếp xúc đại chúng, nhất định là phù hợp nguyên tắc Lục Độ. “*Bố thí, trì giới*”, trì giới là vâng giữ pháp tắc. Bồ Tát nhất định sẽ tuân theo quy củ, nhất định sẽ nương theo phương pháp chánh xác để giáo hóa chúng sanh, chẳng bày ra những trò mới mẻ, lạ lùng! “*Nhẫn nhục*”: Quyết định có lòng kiên nhẫn. Nhẫn nhục độ sân khuê, nuôi dưỡng tâm từ bi, chẳng oán hận, chẳng báo thù. “*Tinh tấn*”, Tấn (進) là tiến bộ. Hằng ngày cầu tiến bộ. Tinh (精) là thuần, chẳng tạp, quyết định biểu hiện bằng thâm nhập một môn. Vì người ấy muốn dạy người khác, chính mình phải nêu gương, dạy kẻ khác tu một môn, mà chính mình tu rất nhiều môn, người khác nhìn vào sẽ dấy lòng ngờ vực. Thiên Định: Trong chẳng sanh phiền não, ngoài chẳng bị cảnh giới bên ngoài dụ dỗ, mê hoặc. “*Bát Nhã*” là lý trí, nay chúng ta nói là lý tánh. Người ấy chẳng dấy động cảm tình, hết sức tỉnh táo, bình tĩnh, thấy hết thấy Sự Lý rõ ràng, rành rẽ. Bồ Tát quyết định phù hợp sáu nguyên tắc ấy.

Người thật sự tu hành, tâm biến đổi, tâm mỗi ngày một thanh tịnh hơn, ngày một từ bi hơn, ngày càng tăng trưởng trí huệ, phiền não nhẹ bớt. Trí huệ tăng trưởng, tướng mạo ngày càng viên mãn hơn, ngày càng tươi sáng hơn. Tướng chuyển theo tâm. Từ dung mạo và oai nghi của người ấy, có thể nhìn ra [những điều đó], chẳng phải là giả vờ, mà là tự nhiên. Nếu thấy người tu hành khoe là tu hành rất khá, mà thấy kẻ ấy mặt mũi tối om, oai nghi thiếu trang nhã, bèn biết: Dầu người ấy hết sức dụng công, cũng là đã đi lạc đường, tu hành chẳng đúng pháp! Nếu thật sự khế nhập Phật pháp, xác thực là “phá mê, khai ngộ, lìa khổ, được vui”, sẽ ngày càng vui sướng hơn, mỗi năm một vui sướng hơn! Đó là người ấy thật sự đạt được pháp hỷ, công phu đắc lực. Nếu học Phật mà ngày càng khổ não hơn, hãy khéo kiểm điểm, phản tỉnh! Chẳng phải là Phật pháp sai lầm, mà là chính mình đã phạm sai lầm.

“*Dĩ kinh tiên chú*”: Trước là giảng kinh, sau lại nói chú. Đức Phật thuyết pháp trong nhân gian, đương nhiên là trước hết phải quan tâm đến loài người, sau đó mới chiếu cô quỹ thân. Trong nhân gian, [đức Phật thuyết pháp là] vì loài người mà thuyết pháp, quỹ thân tới nghe kể, là kẻ kèm theo. Nếu đức Phật thuyết pháp trên cõi trời, sẽ lấy chư thiên làm [đối tượng] chủ yếu.

“*Chú đắc kinh nhi dữ linh*” (Chú nhờ vào kinh mà càng linh). Chúng ta đọc kinh có hai cách đọc, [nhằm đạt tới] hai loại mục đích:

1) Loại thứ nhất là chúng ta cầu Căn Bản Trí. Đọc theo kiểu này là cung kính, mở quyển kinh ra, từ “*như thị ngã văn*” một mục niệm đến chữ cuối cùng là “*tín thọ phụng hành*”, chẳng đọc sai chữ nào, từng chữ rõ ràng, chẳng cần mong hiểu, cứ cung kính niệm, chẳng có vọng tưởng, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có hoài nghi. Đọc kinh kiểu đó là tu Định, tu Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là như kinh Bát Nhã đã nói: “*Bát Nhã vô tri*”. Chúng ta tu vô tri. Nếu khi đọc kinh, ngẫm nghĩ câu này nghĩa là gì, đoạn kia giải thích như thế nào, hổng mất rồi. Mục đích đọc kinh đã bị phá hỏng, quý vị coi kinh điển như sách thế gian để đọc, chẳng đạt được hiệu quả. Vì chúng ta đọc kinh nhằm tu Định. Đọc một tiếng đồng hồ là tu Định một tiếng đồng hồ. Phương pháp để tu Định rất nhiều. Chẳng hạn như Thiền Tông là tĩnh tọa quán tâm, hoặc tham thoại đầu, Giáo Hạ dùng phương pháp đọc kinh. Tịnh Độ Tông có khi dùng đọc kinh, có khi dùng niệm Phật. Mật Tông trì chú, đều là những phương pháp để tu Căn Bản Trí. Phương pháp rất nhiều, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn. “*Pháp*” (法) là phương pháp, “*môn*” là “*môn kính*” (門徑: đường nẻo, cửa ngõ), thấy đều là tu Định. Chúng ta chỉ cần chọn lấy một hoặc hai thứ, rất thích hợp với cách sống của chính mình trong hiện thời, chúng ta tu tập rất thuận tiện thì được rồi. Đọc kinh là tu Định, chẳng khác gì người ta tĩnh tọa trong Thiền đường, quyết định chớ nên có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, [hể có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước] thì sai mất rồi! Chúng ta đọc trong hai tiếng đồng hồ tức là tu hai tiếng đồng hồ. Đó là phương pháp thứ nhất.

2) Phương pháp thứ hai, thâm nhập sâu hơn một tầng, chính là “*tùy văn nhập quán*”. Ất cần phải là đã đắc Căn Bản Trí, đã đắc Định thì mới có năng lực này. Chẳng đắc Định, chẳng có năng lực này! Đã đắc Định, sẽ có năng lực dung hợp lý luận và cảnh giới do đức Phật đã giảng trong kinh với cái tâm của chính mình thành một Thể. Đọc kinh Di Đà, bèn đạt đến thế giới Cực Lạc, y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây

Phương cùng với thân tâm của chính mình dung hợp thành một khối. Cảnh giới ấy cao lắm, lợi ích hết sức to tát.

“*Chú đặc kinh nhi dữ linh*” (Chú nhờ có kinh mà càng linh): Chú là mật thuyết, kinh là hiển thuyết. Bất luận là kinh hay chú, thấy đều dung hợp với tâm và cảnh của chính mình thành một khối. Đây là công phu chân thật. Tâm nguyện giải hạnh chẳng khác A Di Đà Phật, hoàn toàn dung hợp thành một khối. Đó là cách đọc thứ hai.

Hiện thời, chỉ sợ là đại đa số chúng ta cả hai cách đọc ấy đều chẳng có. Vì thế, quý vị học rất lâu, công phu chẳng đắc lực. Nguyên nhân ở chỗ nào? Chẳng biết dụng tâm, áp dụng sai phương pháp. Quý vị hãy nghe kinh, nghe một thời gian lâu dài. Mỗi lần nghe kinh đều nhằm nhắc nhở quý vị một lần, huân tập một lần. Có thể thấy là sức mạnh của phiền não tập khí quá lớn, một chút huân tập yếu ớt của chúng ta chẳng thể chống nổi! Cảnh giới vừa hiện tiền, ngay lập tức mê muội. Không chỉ là mê trong cảnh giới bình thường, đang trong khi đọc kinh cũng mê luôn, đang niệm Phật cũng mê, chuyện này khó lắm! Đại sư nói “*giao tương vi dụng*” tức là kinh và chú cùng phối hợp. Ý nghĩa này hết sức hay!

(Sớ) *Thử chú tường kiến Bất Tư Nghị Thần Lực Truyền.*

(疏)此咒詳見不思議神力傳。

(Sớ: Xem chi tiết về chú này trong *Bất Tư Nghị Thần Lực Truyền*).

Đây là nêu ra xuất xứ của chú Vãng Sanh. Nó chẳng ở trong kinh Di Đà, mà cũng chẳng ở trong kinh Vô Lượng Thọ. Trong ba kinh Tịnh Độ đều chẳng có chú này. Nó xuất phát từ bộ sách *Bất Tư Nghị Thần Lực Truyền*¹.

(Sớ) *Trì thử chú giả, diệt tội vãng sanh, cố dĩ Bất Nghiệp Chương Sanh Tịnh Độ vi danh.*

(疏)持此咒者，滅罪往生，故以拔業障生淨土為名。

(Sớ: Người trì chú này sẽ được diệt tội, vãng sanh. Vì thế, lấy *Bất Nghiệp Chương Sanh Tịnh Độ* làm tên).

¹ Trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, tập 12, kinh văn số 368 mang tựa đề *Bất Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Thần Chú* có chú thích “*xuất tự Tiểu Vô Lượng Thọ Kinh*”. Như vậy có lẽ là ngoài hai bản kinh Di Đà như chúng ta biết, hãy còn có một bản kinh Di Đà nữa, trong ấy, đức Phật nói chú này, nhưng bản kinh thứ ba này đã bị thất truyền.

Đức Phật nói rất rõ ràng, rất minh bạch: Nếu chuyên tu pháp môn này, chuyên trì chú Vãng Sanh, xác thực là có thể diệt tội, xác thực là có thể được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương. Trong Ngũ Kinh Độc Bản của chúng ta có bao gồm cả chú này. Có lẽ chư vị đã xem thấy, kinh nói rất rõ ràng: Niệm chú Vãng Sanh ba mươi vạn lần, sẽ cảm được A Di Đà Phật hiện tiền. Trong quá khứ, tại đạo tràng của chúng ta, lão cư sĩ Trương Linh, bài hát Tổng Thống Kỷ Niệm Ca² do cụ viết lời. Hai vợ chồng cụ hằng ngày đều tới nghe tôi giảng kinh. Cụ thấy câu “*niệm chú Vãng Sanh ba mươi vạn lần, sẽ cảm được Phật hiện tiền*”, bèn nghiêm túc niệm mỗi ngày. Niệm đủ ba mươi vạn lần xong, cụ đến nói với tôi: “Pháp sư ơi! Chẳng linh! Đức Phật chẳng hiện tiền, cảm ứng gì cũng chẳng có”. Đây là tạo tội rất nặng. Vì sao? Báng pháp! Chẳng phải là chú không linh, mà là do quý vị [trì niệm] chẳng đúng pháp.

Quý vị niệm chú này, trước hết phải hỏi có diệt tội hay không? Tội là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, phiền não; đó là tội. Suốt ngày từ sáng đến tối miệng luôn niệm chú ngữ, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều chẳng sanh, tội bèn diệt. [Trì tụng] ba mươi vạn biến chú Vãng Sanh phải mất một thời gian khá dài. Trong thời gian dài ngắn ấy, quý vị chẳng khởi một vọng niệm, kinh nói là “*nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo*” thì mới hữu dụng, mới có cảm ứng. Vừa niệm chú Vãng Sanh, vừa dấy vọng tưởng, làm sao được? Đó là chẳng đúng pháp. Chư vị nhất định phải biết chỗ then chốt này. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta

² Sau khi Tưởng Giới Thạch (tên thật là Tưởng Trung Chánh, tên hồi bé là Thụy Nguyên, tự là Giới Thạch), mất vào ngày 05 tháng 04 năm 1975, bộ Giáo Dục Đài Loan đã mở cuộc thi sáng tác ca khúc kỷ niệm ông dành cho các học sinh trung học hát trong các buổi lễ. Cuối cùng ca khúc được chọn có phần nhạc do Lý Trung Hòa viết, lời ca do Trương Linh viết. Sau khi Lý Đăng Huy lên làm Tổng Thống, bài hát này không còn được lưu hành trong nhà trường nữa, nhưng vẫn được sử dụng trong các buổi lễ của Quốc Dân Đảng.

Trương Linh (1919-1979), tên tự là Kiềm Phân, hiệu Vô Tranh Cư Sĩ, người huyện Tương Đàm, tỉnh Hồ Nam. Ông từng giữ chức vụ Phó Kinh Lý trong Ngân Hàng Đài Loan, và dạy học tại các trường đại học Đông Ngô và Minh Truyền. Ông khéo viết câu đối nên có mỹ hiệu là Liễn Vương (vua câu đối), đã từng phát nguyện cúng dường các chùa một vạn câu đối. Tuy rất có tiếng tăm trong giới Phật giáo vì viết nhiều, giảng diễn nhiều, niềm tin của ông không được tinh thuần, vẫn mang nặng tính cách trình diễn, phô trương. Vào năm 1972, khi vợ mất, cụ đã từng nhờ đồng cốt cầu cơ để nói chuyện với linh hồn vợ, sau đó, soạn tác phẩm Tiên Thất Sanh Tây Ký (ký sự vãng sanh Tây Phương của bà vợ quá cố) nhằm gián tiếp khoe khoang chính mình đã tụng chú Vãng Sanh đến ba mươi vạn biến, cũng như khẳng định bà vợ đã vãng sanh.

“*nhiep trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*”. Hai câu ấy nói rất hay, không chỉ là bí quyết tu hành của Tịnh Độ, mà bất luận tông phái nào, pháp môn nào, cũng đều chẳng thể lìa khỏi nguyên tắc này. Lìa khỏi nguyên tắc này, trái nghịch nguyên tắc này, tu học bất luận pháp môn nào cũng đều chẳng thể thành tựu!

Vô lượng pháp môn, đặc biệt là pháp môn Đại Thừa, mục đích là minh tâm kiến tánh. Lý nhất tâm bất loạn trong Tịnh Tông chính là minh tâm kiến tánh, sử dụng danh từ chẳng giống Thiền Tông, nhưng cảnh giới hoàn toàn giống nhau. Họ nói “*đại triệt đại ngộ, kiến tánh thành Phật*”, chúng ta nói “*Lý nhất tâm bất loạn, vãng sanh cõi Thật Báo Trang Nghiêm*”, đó chính là kiến tánh thành Phật. Có thể thấy nguyên lý giống nhau, nhất định phải làm được “*tịnh niệm tiếp nối*”, “*tịnh*” là tâm thanh tịnh. Lục Tổ của Thiền Tông có nói: “*Vốn chẳng có một vật*”. Trong tâm quý vị chẳng có một vật nào, cái tâm ấy chính là tâm thanh tịnh hiện tiền. Nếu quý vị hiểu lầm, trong tâm thứ gì cũng chẳng có, “*thứ gì cũng chẳng có*” chính là vô minh! Ngỡ vô minh là “*vốn chẳng có một vật*”, lại phạm sai lầm mất rồi! Chớ nên có mảy may hiểu lầm!

Tâm Phật thanh tịnh, xác thực là chẳng có ý niệm. Tuy Phật chẳng có ý niệm, nhưng Ngài chẳng có gì không hiểu rõ, đó gọi là “*tịch tịch tinh tinh*” (寂寂惺惺). “*Tịch*” là thanh tịnh, tịch diệt, “*tinh*” (惺) là chiếu soi rành mạch, chẳng có gì không hiểu rõ. Đây mới là chân tâm. “*Tịch*” là chẳng rơi vào vọng tưởng, chẳng có vọng tưởng. “*Tinh*” là chẳng rơi vào vô minh. Chẳng rơi vào hai bên, đó là chân tâm. Bọn phàm phu chúng ta rất tệ, chẳng đọa vào bên vọng tưởng, bèn đọa vào bên vô minh. Đây chính là nhân tố khiến cho công phu tu hành của chúng ta rất khó có thành tựu. Chúng ta đọc kinh chính là chiếu theo nguyên lý này để chọn lựa phương pháp tu hành. Ví như chúng ta niệm kinh Di Đà, kinh Di Đà chẳng dài. Chúng ta đọc kinh, đọc từng chữ phân minh, từng câu rành rẽ, chẳng rơi vào vô minh. Khi đọc kinh, chẳng có một tạp niệm, chẳng có một vọng tưởng, tâm địa thanh tịnh, tịch diệt, phương pháp ấy đã sử dụng đúng. Vì thế, đọc kinh chớ nên có phân biệt, chớ nên có vọng tưởng, chớ nên suy nghĩ ý nghĩa trong kinh. Điều này rất trọng yếu!

Đọc kinh là thật sự tu hành, là thật sự cúng dường. Còn có những kẻ mê hoặc, điên đảo, ngỡ ta đọc kinh là đọc cho Phật, Bồ Tát nghe; Phật, Bồ Tát thấy ta rất ngoan ngoãn, sẽ phù hộ ta. Ta hằng ngày niệm kinh cho Ngài nghe. Đây là hồ đồ, sai lầm quá đời! Kinh do Phật, Bồ Tát nói, các Ngài còn phải nghe những thứ ấy hay sao? Các Ngài mới chẳng cần nghe! Vì thế, đây là một phương pháp tu hành hết sức hay, [thế mà] chúng ta

chẳng biết dùng phương pháp này, hiểu sai phương pháp, cho nên hiệu quả đạt được thường là tương phản!

Vì thế, để diệt tội, phải hiểu tội là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, phiền não là tội. Thật sự có hiệu quả là những thứ ấy bớt đi: Ít vọng tưởng, phiền não nhẹ bớt, đó là hiện tượng tội tiêu diệt. Sau khi niệm ba mươi vạn biến chú Vãng Sanh, tâm xác thực đạt tới mức độ khá thanh tịnh, chúng tôi thường nói: “Dầu chẳng thể đạt đến nhất tâm bất loạn, tối thiểu cũng là công phu thành phiền”. Có công phu ấy, chắc chắn được vãng sanh. Kinh nói chẳng sai, nhưng chính mình chẳng biết dụng công. Hôm nay niệm một ngàn lần chú Vãng Sanh, ghi xuống, hôm nay ta niệm một ngàn lần, ngày mai ta phải niệm hai ngàn lần. Quý vị thấy: Niệm kiểu đó, trong tâm xen tạp vọng tưởng nhiều ngàn ấy, xen tạp dục vọng nhiều ngàn ấy, nhất là cái tâm cầu cảm ứng, tâm cầu thần thông tha thiết dường ấy. Kể ra người ấy còn may lắm, chưa gặp phải yêu ma, quỷ quái! Phàm những kẻ cầu thần thông, cầu cảm ứng, đều rất dễ bị ma nhiễu loạn, bị yêu ma quỷ quái tới lừa phỉnh! Diệt tội, vãng sanh, chú thật sự có công hiệu ấy, có công đức ấy!

(Sớ) Đà-la-ni giả, thủ vân tổng trì dã.

(疏)陀羅尼者，此云總持也。

(Sớ: Đà La Ni cõi này dịch là Tổng Trì).

“Đà La Ni” (Dhāraṇī) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Tổng Trì: “*Tổng nhất thiết pháp, trì nhất thiết nghĩa*” (Bao gồm hết các pháp, trì hết thấy các nghĩa), cũng chính là “*cương lĩnh*” như chúng ta nói trong hiện thời. [Tổng trì] là cương lĩnh của Phật pháp.

(Sao) Nghiệp chương giả, phạm chương hữu tam, nhất Phiền Não Chương, nhị Nghiệp Chương, tam Báo Chương.

(鈔)業障者，凡障有三，一煩惱障，二業障，三報障。

(Sao: Nghiệp chương: Phạm là chương thì có ba: Một là Phiền Não Chương, hai là Nghiệp Chương, ba là Báo Chương).

Các đồng tu học Phật, nhất định phải hiểu rõ nghiệp chương là gì? “*Chương*” (障) là chương ngại, chương ngại gì vậy? Chương ngại chân tâm, chương ngại bản tánh. Chương này cũng rất nghiêm trọng. Chương là gì? Nghiệp là chương. Nghiệp là gì? Nghiệp là sự nghiệp. Kẻ nào chẳng thích tạo sự nghiệp? Hy vọng sự nghiệp của chính mình càng to càng tốt.

Sự nghiệp càng to, chướng cũng lớn, phiền não cũng lớn. Đời người ngày càng rất đáng thương! Hễ vào trường học hành thì nhà trường cho bài tập, phải làm xong bài tập³. Kể từ nhập học bèn bắt đầu làm bài tập, làm mãi cho đến chết vẫn làm không xong. Đó là tạo nghiệp. Con người vì sao chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi? Chính là vì họ đã tạo nghiệp chưa hề gián đoạn, dốc hết tánh mạng để tạo. Tạo thiện nghiệp, đầu thai trong ba thiện đạo; tạo ác nghiệp, thọ báo trong ba ác đạo, luân hồi trong lục đạo. Ngày nào chúng ta có thể chẳng tạo nghiệp, vậy là tốt.

Chiều nay còn có mấy đồng tu đến gặp tôi, họ đến đây lần đầu, [trong số ấy], có vị xuất gia lão tỳ-kheo-ni, rất phát tâm, chính mình ăn tiêu dè sẻn để đi khắp nơi, giúp người khác dựng chùa, bỏ tiền, ra sức. Bà ta cũng đã tám mươi bốn tuổi rồi. Tôi khuyên bà ta niệm Phật, chớ nên tạo nghiệp ấy nữa. Dựng chùa là tạo nghiệp ư? Quý vị hãy nghĩ xem có phải là tạo nghiệp hay không? Đài Loan có quá nhiều chùa, không cần dựng thêm nữa. Điều khẩn yếu là phải niệm Phật cầu vãng sanh! Không chỉ là chớ nên tạo ác nghiệp, mà thiện nghiệp cũng chớ nên tạo! Vì quý vị tạo tác, nói thật ra, dầu tạo tác mà tâm địa vẫn thanh tịnh, thì chính là bậc Bồ Tát tái lai, chẳng phải là phàm phu. Vào thời cổ, tại Trung Hoa, các đạo tràng được kiến lập, thừa cùng chư vị, chẳng phải là do phàm phu tạo dựng, mà đều là do Phật, Bồ Tát, A La Hán hóa thân kiến tạo. Phàm phu là tạo nghiệp, làm sao có thể thoát khỏi tam giới cho được? Làm sao có thể liễu sanh tử cho được? Chư Phật, Bồ Tát “*làm mà không làm, không làm mà làm*”, các Ngài đến tạo lợi ích cho chúng sanh, đến giúp đỡ chúng sanh. Do vậy, [tạo dựng đạo tràng] đều do Phật, Bồ Tát ứng hóa mà đến. Nay bản thân chúng ta là phàm phu, chẳng phải là Phật, Bồ Tát tái lai! Học theo sự nghiệp của Phật, Bồ Tát, chúng ta sẽ hồng bát!

Vị lão tỳ-kheo-ni ấy đã tám mươi bốn tuổi, tu hành hết sức nghiêm túc, buổi sáng vẫn thức dậy rất sớm. Chính mình còn làm duy-na, âm thanh xướng tụng vẫn còn sang sảng, đúng là khó có. Hôm nay, tôi gặp bà ta rất hoan hỷ, tám mươi mấy tuổi mà có thân thể khỏe mạnh dường ấy, rất khó có! Bà ta bảo tôi: Nhất tâm mong cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng cháu của bà chẳng ít, chẳng buông xuống được, vẫn bận lòng vì đứa này, lo lắng cho đứa nọ. Còn có đứa ở ngoại quốc, thường hỏi thăm

³ Vở bài tập được gọi là “*tác nghiệp bạ*” (作業簿), làm bài tập bèn gọi là “*tác nghiệp*” (作業). Hòa Thượng chơi chữ ở chỗ này, thuở nhỏ đi học phải làm bài tập là “*tác nghiệp*”, bước chân vào xã hội, do công việc, do các mối quan hệ, do mưu sinh v.v... tạo nghiệp vô biên, đều là “*tác nghiệp*”. Vì thế mới nói là một mực tác nghiệp đến chết vẫn chưa xong.

tình hình hiện tại ra sao. Trong tâm vướng mắc những chuyện ấy. Hôm nay, tôi bảo bà ta: “Đó là nghiệp chướng, toàn là ma, là ma chướng, khiến cho bà chẳng thể vãng sanh!” Bà ta hỏi: “Làm như thế nào?” [Tôi đáp]: “Hãy buông xuống, chẳng cần lo cho chúng nó. Bà hãy nhất tâm, nhất ý niệm Phật cầu về Tây Phương Cực Lạc thế giới”. [Bà ta than]: “Chẳng bỏ con cháu được”. Tôi nói: “Bà tới thế giới Tây Phương thì bà là Bồ Tát. Con cháu của Bồ Tát sẽ được Bồ Tát chiếu cố, sẽ có thần hộ pháp che chở, chiếu cố chu đáo hơn bà nhiều lắm! Nếu bà chẳng thể vãng sanh, sẽ phải luân hồi trong lục đạo. Con cháu bà ai cũng chẳng chiếu cố được, mà chính bà cũng chẳng có cách nào cả!” Hôm nay, bà ta nghe hiểu rồi, rất hoan hỷ rồi đi. Tôi nói toàn lời thật với bà ta! Vì thế, [nghiệp chướng chính là do] đã nghĩ sai, đã làm sai. Há có quyền thuộc của vị Phật, Bồ Tát nào mà chẳng có ai chiếu cố? Chẳng có lẽ ấy! Kẻ tạo tội nghiệp cực nặng, còn có thần hộ pháp chiếu cố. Nhà Phật thường nói: “*Một đũa con thành Phật, tổ tiên chín đời sanh lên trời*”, toàn là lời thật, chẳng phải là gạt người! Quý vị mong thật sự chiếu cố người nhà, quyền thuộc của chính mình, biện pháp tốt đẹp duy nhất là nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ, gặp A Di Đà Phật, chuyện gì cũng đều được giải quyết! Nếu quý vị chẳng thể sanh về Tịnh Độ, những vấn đề của quý vị sẽ tuyệt đối chẳng phải là tướng tượng, quý vị phải hao tâm tổn trí giải quyết. Học Phật phải có trí huệ.

Nghiệp chướng có ba loại lớn. Nói thật ra, nghiệp chướng vô lượng vô biên. Ba loại lớn ấy chính là Hoặc, Nghiệp, Khổ như kinh thường nói. “*Hoặc*” (惑) là mê hoặc, “*Nghiệp*” (業) là tạo tác, “*Khổ*” (苦) là thọ báo. Tam Chướng là Phiền Não Chướng, Nghiệp Chướng và Báo Chướng. Đối với phiền não, chúng ta không nói những cái nhỏ nhiệm, mà nói những phiền não thô. Phiền não nhỏ nhiệm rất khó hiểu! Phiền não thô là hai mươi sáu loại phiền não được nói trong Bách Pháp Minh Môn Luận, [bao gồm] sáu Căn Bản Phiền Não và hai mươi Tùy Phiền Não. Hai mươi sáu phiền não ấy tạo thành lục đạo luân hồi. Nếu hai mươi sáu món phiền não ấy đều đoạn, chẳng còn nữa, lục đạo luân hồi sẽ chẳng có! Đừng nói quý vị phải thoát ra như thế nào, tới khi đó, lục đạo luân hồi cũng tìm chẳng thấy! Vì thế, cái có thể tạo ra lục đạo luân hồi chính là hai mươi sáu món phiền não ấy. Do đó, phiền não là chướng; trong có phiền não, bên ngoài bèn tạo tác. Đọc bài kệ sám hối trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm, [ta thấy] tạo những gì? Thân, ngữ, ý. Động tác nơi thân thể là tạo tác; nơi miệng là ngôn ngữ, nơi ý là ý niệm. Khởi tâm động niệm là ý đang tạo nghiệp, nói năng là khẩu đang tạo nghiệp, động tác nơi thân thể là thân tạo nghiệp. Phiền não biểu hiện, tỏ lộ qua thân, ngữ, ý nghiệp, khởi tác dụng.

Thân, ngữ, ý là công cụ để phiền não tạo nghiệp, chúng ta phải biết điều này. Chúng ta thời thời khắc khắc phải cảnh giác, nương theo những điều đức Phật răn dạy, chẳng tạo ác nghiệp, đó là tốt.

Đã có tạo tác, sau đó, nhất định là có quả báo. Thiện nhân sẽ có thiện quả, tức ba thiện đạo. Ác nhân nhất định có ác báo, là tam đồ, tức địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Từ đời đời kiếp kiếp trong vô lượng kiếp đến nay, chúng ta đều chẳng có cách nào lìa thoát luân hồi, đều trôi lăn trong lục đạo. Lại còn mỗi đời sau thua kém đời trước. Ở trong lục đạo, giống như con ốc một mực xoay xuống dưới, càng ngày càng thấp hơn, chẳng thể vọt lên trên. Do nguyên nhân nào? Chúng ta tạo ác nghiệp nhiều hơn thiện nghiệp, từ đời này sang đời kia tích lũy lại, càng chìm đắm sâu hơn, chẳng thể nổi lên trên! Đối với sự thật này, chỉ cần chúng ta lắng lòng suy nghĩ đôi chút, suy ngẫm, chẳng cần nghĩ ngợi xa xôi, chỉ nghĩ mỗi ngày từ sáng đến tối, ta khởi tâm động niệm, dấy lên bao nhiêu thiện niệm? Dấy lên bao nhiêu ác niệm? Quý vị biết ngay! Thiện niệm là gì? Ác niệm là gì? Vì hết thấy chúng sanh, vì đại chúng trong xã hội mà tạo lợi ích thì chính là thiện niệm. Vì chính mình, vì cá nhân, vì gia đình ta, đó là ác niệm. Quý vị khởi lên ý niệm, rốt cuộc ý niệm nào nhiều? Ý niệm vì chính mình nhiều, nói cách khác, quý vị ngày càng đọa xuống, chẳng phải là nổi lên trên! Điều này cho thấy lục đạo luân hồi đáng sợ, thật sự đáng sợ! Chúng ta ở trong lục đạo mỗi đời một kém hơn, mỗi đời một khổ hơn. Đó là chân tướng sự thật, chẳng thể nào không biết!

(Sao) Kim ngôn Nghiệp Chương.

(鈔)今言業障。

(Sao: Nay nói đến Nghiệp Chương).

Rõ ràng là Tam Chương, Ngài chẳng nói “bạt trừ Tam Chương, sanh Tịnh Độ”, chỉ nói “bạt trừ Nghiệp Chương”.

(Sao) Tắc trung nhiếp tiền hậu.

(鈔)則中攝前後。

(Sao: Vì cái chương chính giữa bao gồm chương trước và sau nó).

Trong Tam Chương, Nghiệp Chương ở chính giữa. Chẳng có phiền não, sẽ không thể tạo nghiệp. Chẳng tạo nghiệp, sẽ chẳng có báo. Do vậy, Nghiệp Chương ở chính giữa, liên quan đến [hai loại] chương trước và sau nó. Nói theo nhân, duyên, quả, thì nghiệp là nhân, báo là quả, phiền

não là duyên. Cái liên quan mật thiết với quả báo thì gọi là Nhân, cái liên quan gián tiếp bèn gọi là Duyên. Quan hệ giữa nghiệp và quả báo mật thiết nhất, chứ phiền não còn cách biệt một tầng. Giống như cha con, cha là nhân, ông nội là duyên, xa hơn một chút! Đối với Tam Chương, nói đến Nghiệp Chương là hợp lý nhất.

(Sao) Phiền não giả nghiệp chi nhân, báo giả nghiệp chi quả dã. Nghiệp tất hữu nhân, nghiệp tất chiêu quả, cố nhiếp nhị chương.

(鈔)煩惱者業之因，報者業之果也，業必有因，業必招果，故攝二障。

(Sao: Phiền não là nhân của nghiệp, báo là quả của nghiệp. Nghiệp ắt có nhân, nghiệp ắt chiêu lấy quả. Vì thế, Nghiệp Chương bao gồm hai thứ chương kia).

Nói một mình Nghiệp Chương là đã bao gồm phiền não trước đó và quả báo sau đó.

(Sao) Trừ chương quý trừ kỳ bản, như căn tuyệt bất sanh nha. Nha bất sanh, tắc chi, diệp, hoa, quả tất bất sanh cố.

(鈔)除障貴除其本，如根絕不生芽，芽不生，則枝葉華果悉不生故。

(Sao: Trừ chương quý ở chỗ trừ tận gốc, như rễ đã đứt chẳng thể nảy mầm. Mầm chẳng nảy thì cành, lá, hoa, quả ắt chẳng sanh nữa).

“Trừ chương”: Có kẻ trừ nơi cành lá, có người trừ nơi cội rễ, tùy thuộc căn tánh của mỗi người. Bậc thượng thượng căn, hàng lợi căn, biết tu từ căn bản, biết đổ công dốc sức từ căn bản. Kẻ căn cơ trung hạ chẳng hiểu rõ đạo lý này, cũng chẳng có cách nào tu từ căn bản. Đức Phật bèn dạy họ tu từ nơi cành lá. Ví như chúng ta thấy một cái cây, chúng ta chẳng muốn cái cây ấy. Người thông minh trừ tận gốc rễ, đào rễ lên, cây đã được bỏ đi rồi. Người ngốc nghếch bèn vặt từng chiếc lá, sau đó, xén từng cành, từng nhánh, cuối cùng mới dần dần trừ tận gốc rễ cây ấy. Quý vị nói xem: [Có phải là] tốn lắm công sức, tốn nhiều thời gian hay không? Trong Phật pháp gọi chuyện này là “*tiệm tu*”. Tiệm tu là dùng phương pháp này, đổ công dốc sức nơi cành, lá.

Phương pháp tu hành ở mức độ cao là đổ công dốc sức nơi căn bản. Thiền là từ căn bản. Thiền có hai hệ phái lớn: Thần Tú và Huệ Năng đại

sư. Đối tượng tiếp dẫn của Thần Tú đại sư là người căn tánh Đại Thừa, vẫn là từ càn, nhánh. Lục Tổ Huệ Năng đại sư tu tập từ căn bản, Ngài tiếp dẫn bậc thượng thượng căn. Tịnh Độ Tông là tu từ căn bản, phải biết điều này. Mật Tông có kẻ tu từ căn bản, mà cũng có kẻ tu từ càn, lá, cho nên thành tựu khác nhau. Tịnh Tông thì bất luận thuộc loại căn tánh nào, thầy đều là tu từ căn bản. Vì sao? Một câu A Di Đà Phật là căn bản của căn bản; bậc thượng căn dùng phương pháp này, kẻ hạ căn cũng dùng phương pháp này. Văn Thù, Phổ Hiền dùng phương pháp này; chúng sanh trong địa ngục A Tỳ cũng dùng phương pháp này. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuy có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, có thể nói là về Lý thì có, nơi Sự chẳng có! Quý vị xem kinh Vô Lượng Thọ bèn biết: Nơi Sự là bình đẳng. Thế giới Tây Phương là một thế giới bình đẳng, bình đẳng nơi Sự. Trong thế giới này, mỗi người cao hay thấp khác nhau, tướng mạo cũng không giống nhau. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới vóc dáng như nhau, tướng mạo hoàn toàn như nhau, đều như A Di Đà Phật. Kinh Vô Lượng Thọ đã giảng chuyện này rành mạch, rõ ràng.

Thế giới ấy gọi là thế giới bình đẳng, bốn cõi, ba bậc, chín phẩm là sự bất bình đẳng nơi lý luận, trên sự thật là bình đẳng. Vì sao bình đẳng nơi Sự? Do bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Nói thật thà, chúng ta đời nghiệp vãng sanh, chẳng đoạn phiền não, làm sao có thể bình đẳng cho được? Quyết định là chẳng thể bình đẳng, nhưng do bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì [mà bình đẳng], chuyện này thật sự chẳng thể nghĩ bàn, trong mười phương hết thầy các cõi Phật đều chẳng có chuyện này. Chúng ta gặp gỡ pháp môn này, nhất định phải trân quý. Nếu đời này bỏ lỡ, mong sau này lại được gặp gỡ, đó là chuyện hết sức khó có, đúng là trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ! Do đó, trừ chương phải trừ tận gốc.

(Sao) Kim thử chú trì chi, tắc phiền não bất khởi, thị bạt nghiệp chướng căn bản dã.

(鈔) 今此咒持之，則煩惱不起，是拔業障根本也。

(Sao: Nay trì chú này, phiền não chẳng khởi, đó chính là dẹp trừ căn bản của nghiệp chướng vậy).

Trì chú, quý vị phải hiểu: Nếu chú này thật sự dẫn ép vọng tưởng, tạp niệm của chính mình, thì gọi là “trì chú”. Đó là công phu đặc lực. Nếu vừa niệm chú Vãng Sanh, vừa dấy vọng tưởng, đừng nói là ba mươi vạn

lần, dầu ba trăm vạn lần, hoặc ba ngàn vạn lần cũng đều vô dụng. Cổ nhân bảo: “*Gào toác cổ họng vẫn uống công*”. Vô dụng! Vì sao? Quý vị trì chẳng đúng pháp, chẳng biết dụng tâm! Tu học trong Phật pháp, bất luận pháp môn nào, bất luận tông phái nào, điều khẩn yếu nhất là biết dụng tâm, điều này rất trọng yếu! Chẳng biết dụng tâm, bất chước hình thức, đó là chẳng sát thực tế, chẳng thể thành tựu. [Bởi lẽ], chỉ có bề ngoài, chẳng có nội dung thực tế! Phật pháp nhấn mạnh thực chất, nói thật ra, hoàn toàn chẳng coi trọng bề ngoài!

(Sao) Như truyện ngôn.

(鈔)如傳言。

(Sao: Như trong truyện có nói).

Bất Tư Nghị Thần Lục Truyện đã nói.

(Sao) Nhật dạ các trì tam thất biến.

(鈔)日夜各持三七遍。

(Sao: Ngày đêm đều trì hai mươi một lần).

“*Tam thất*” là hai mươi một lần.

(Sao) Diệt Ngũ Nghịch báng pháp đẳng tội, thị dã.

(鈔)滅五逆謗法等罪，是也。

(Sao: “Diệt các tội như Ngũ Nghịch, báng pháp” v.v... là như vậy đó).

Thường có những đồng học thấy những câu này, trong tâm sanh ngờ vực. Chú Vãng Sanh chẳng dài, mỗi ngày buổi sáng niệm hai mươi một lần, buổi tối niệm hai mươi một lần, chẳng khó! Tội Ngũ Nghịch, báng pháp cực nặng, đọa trong địa ngục A Tỳ, làm như vậy mà có thể diệt tội ư? Có thật hay chẳng? Quý vị nói thử xem: Thật hay giả? Quý vị có thể thử xem. Cư sĩ Trương Linh niệm ba mươi vạn lần, chẳng có hiệu quả! Đức Phật nói chẳng sai! Tôi vẫn nói một câu: “Chúng ta hiểu sai bét ý nghĩa chân thật của Như Lai”.

Đối với khóa tụng sáng tối, tôi cũng đã nói rất nhiều lượt. Dụng ý của khóa tụng sáng tối nhằm nhắc nhở chúng ta: Ngày hôm nay, chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, phải tuân thủ giáo huấn của Phật,

Bồ Tát. Sáng sớm là nhắc nhở, khóa tối là phản tỉnh. Ngày hôm nay, ta đã làm được chỗ nào, chỗ nào chẳng làm được. Làm được thì phải tiếp tục gìn giữ. Chẳng làm được, ngày mai phải sửa đổi. Đây mới gọi là “tu tập công khóa sáng tối”. Chẳng phải là buổi sáng niệm kinh chú một lần cho Phật, Bồ Tát nghe, buổi tối lại niệm một lần nữa cho các Ngài nghe, căn bản là chẳng liên quan gì tới ngôn ngữ, tạo tác, tư tưởng và hành vi của bản thân chúng ta! Tụng niệm công khóa sáng tối kiểu đó, nói thật ra là có tội lỗi. Tội lỗi gì vậy? Buổi sáng lừa Phật, Bồ Tát một lần; buổi tối lừa lần nữa. Hằng ngày lừa gạt Phật, Bồ Tát, tội lỗi ấy nặng nề!

Nếu quý vị hiểu rõ ý nghĩa này, biết thực hiện công khóa sáng tối như vậy, buổi sáng niệm hai mươi một biến Vãng Sanh Chú đến mức thân tâm thanh tịnh, phải gìn giữ sự thanh tịnh ấy suốt cả ngày. Chẳng phải là niệm xong bèn hết chuyện. Đó mới gọi là “*trì chú Vãng Sanh*”. Quý vị đã học mà chẳng thể vận dụng trong cuộc sống hằng ngày, học kiểu đó vô dụng, phải học sao cho có thể áp dụng được. Khóa tối lại niệm hai mươi một lần, đêm nằm mộng chẳng điên đảo. Ngày đêm thân tâm thanh tịnh, ba mươi vạn lần như vậy, lẽ nào người ấy chẳng vãng sanh? Lẽ đâu người ấy chẳng tiêu tội nghiệp? Do vậy, chẳng phải là Ngài (đức Phật) [dạy] sai, mà là do chúng ta hiểu sai bét ý nghĩa. [Cứ tưởng bở] “buổi sáng niệm hai mươi một lần, buổi tối cứ niệm hai mươi một lần là đủ rồi, dầu tạo tác tội Ngũ Nghịch báng pháp cũng chẳng sao cả! Do ta niệm hai mươi một lần chú Vãng Sanh, tội ấy sẽ tiêu tan!” Sai lầm quá rồi! Đó là đại tà kiến.

Kinh chú và Phật hiệu xác thực là có công đức và oai thần chẳng thể nghĩ bàn. Nói thật ra, người tu hành chúng ta đều hiểu sai ý nghĩa, toàn làm theo hình thức, làm bề ngoài, chẳng nghiêm túc và đổ công dốc sức nơi tâm địa trên thực tế. Nếu thật sự dụng công nơi tâm địa, nói thật ra, sẽ thấu hoạch chẳng có cách nào hình dung được! Do vậy, lợi ích chân thật trong Phật pháp chẳng phải là đạt được trong tương lai, mà là đạt được ngay trong hiện tại! Quý vị hoàn toàn chuyển biến cảnh giới, tuyệt đối chẳng giống như trong quá khứ khi chưa học Phật, mà cũng chẳng giống hết thấy mọi người trong thế gian này; xác thực là đã khế nhập cảnh giới ứng hóa trên thế gian của Phật, Bồ Tát. Ở trong thế gian này, hòa quang đồng trần với mọi người, du hý thần thông, sung sướng khôn sánh! Tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần, sung sướng lắm! Đó là sự hưởng thụ chân thật. Quý vị chẳng nhập cảnh giới, sẽ chẳng đạt được lợi ích ấy, mà cũng chẳng đạt được niềm hoan hỷ ấy. Do đó, đọc kinh, niệm chú Vãng Sanh, hay niệm danh hiệu A Di Đà Phật đều được, [nghĩa là] đều có thể đạt tới cảnh giới ấy, tức là quý vị phải biết dụng công, tu hành đúng

lý, đúng pháp. Phải hiểu lý luận và đạo lý được nói trong kinh điển, phải tương ứng với Lý. Chúng ta phải hiểu rõ những phương pháp đã dạy trong kinh điển, phải thực hiện được, phải tương ứng với pháp, quý vị mới có thể đạt được lợi ích và công đức chân thật trong Phật pháp.

(Sao) Đắc sanh Tịnh Độ giả, luân hồi Sa Bà, giai diêu nghiệp chướng.

(鈔)得生淨土者，輪迴娑婆，皆繇業障。

(Sao: “Được sanh về Tịnh Độ”: Luân hồi Sa Bà, đều do nghiệp chướng).

Hiểu cái nhân sanh tử luân hồi ở chỗ nào? “Nhân” (因) là tạo nghiệp. Vì sao có thể tạo nghiệp? Vì có phiền não. Tạo nghiệp, sau đây mới có quả báo luân hồi trong lục đạo. Nếu nghiệp chướng đã không còn, đương nhiên là phiền não cũng chẳng có. Phiền não vẫn còn, chắc chắn là nghiệp chướng chẳng rỗng không! Vì thế, để tiêu nghiệp chướng, nhất định là phải đoạn phiền não. Phiền não đã đoạn, nhất định là sẽ tiêu nghiệp chướng.

(Sao) Nghiệp chướng ký không, uế độ chủng diệt.

(鈔)業障既空，穢土種滅。

(Sao: Nghiệp chướng đã rỗng không, hạt giống của uế độ bèn diệt).

“Uế độ” là lục đạo luân hồi. Chúng tử lục đạo luân hồi chẳng có, cái nhân của lục đạo luân hồi chẳng có, đương nhiên là hiện tượng của quả báo lục đạo luân hồi chẳng có. Vĩnh Gia đại sư nói: “Giác hậu, không không vô đại thiên” (Giác rồi ba cõi rỗng toang hoang). “Đại thiên” là lục đạo.

(Sao) Tùy nguyện vãng sanh.

(鈔)隨願往生。

(Sao: Tùy nguyện vãng sanh).

Vãng sanh nhất định là thuận theo nguyện vọng của chính mình, mong nhất định đạt tới Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sao) Cố đắc sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ.

(鈔)故得生阿彌陀佛極樂國土。

(Sao: Vì thế, được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật).

Đây là nói nghiệp chướng của quý vị tiêu trừ, nhất định được vãng sanh. Chư vị phải ghi nhớ, ở đây là nói theo Mật Chú, nhưng những điều được dạy trong phần kinh văn trước đó cũng tuân theo nguyên tắc này. Vì thế, chúng ta niệm Phật có thể vãng sanh hay không? Niệm Phật, nghiệp chướng đã tiêu trừ thì mới có thể vãng sanh. Đối với chuyện “*đời nghiệp vãng sanh*”, cổ đại đức đã giải thích rất rõ ràng. Trong Ấn Quang Đại Sư Văn Sao cũng giảng rất rõ ràng: Mang theo nghiệp quá khứ, chẳng thể mang theo nghiệp hiện tại. Trong quá khứ, do chẳng học Phật, nên không biết. Đã tạo nghiệp vẫn có thể tha thứ, quý vị có thể mang theo được. Đã học Phật, biết đó là chuyện xấu mà vẫn cứ làm, chẳng thể chấp nhận được, mà cũng chẳng thể mang theo nghiệp ấy được! Chỉ có thể mang theo nghiệp cũ, chẳng thể mang theo nghiệp mới. Chư vị nhất định phải biết điều này.

Đây là chỗ thù thắng của pháp môn này so với hết thảy các pháp môn khác. Nói thật ra, trong những pháp môn khác, ngay cả nghiệp quá khứ cũng chẳng thể mang theo. Nhất định là phải tiêu trừ sạch sành sanh thì mới có thể thoát khỏi tam giới. A La Hán thoát khỏi tam giới, Tứ Quả A La Hán đoạn sạch Kiến Tư phiền não, cũng có nghĩa là hai mươi sáu loại phiền não được nói trong Bách Pháp Minh Môn thấy đều đoạn tận, Ngài mới có thể vượt thoát lục đạo luân hồi. Do Trần Sa phiền não và Vô Minh phiền não đều chưa phá, cho nên Ngài chưa thể kiến tánh. Đối với pháp môn này, chúng ta chẳng cần đoạn hết Kiến Tư phiền não, chỉ cần đoạn trừ hiện hành là được rồi. Hiện hành là gì? Nay chẳng phát khởi, thế là được rồi! Chứ nay vừa niệm Phật, vừa phát tác [những phiền não], vô dụng! Chư vị phải ghi nhớ điều này, quyết định chẳng để cho [các phiền não] dấy lên hiện tiền. Hiện thời, nhất định là phải tu thân tâm thanh tịnh. Chuyện này rất khẩn yếu, nó chính là mấu chốt khiến cho chúng ta trong một đời này niệm Phật có thể vãng sanh hay không?

(Sao) Tổng trì giả, tổng thống nhiếp trì, cánh vô di thất, tức chú chi biệt danh dã.

(鈔)總持者，總統攝持，更無遺失，即咒之別名也。

(Sao: “Tổng trì”: Bao gồm, duy trì hết thảy, trọn chẳng để sót mất. Đây chính là tên gọi khác của Chú).

Chú còn gọi là Tổng Trì. Đây chính là ý nghĩa của chữ Đà La Ni.

(Sao) Truyện danh Bất Tư Nghị Thần Lực giả, tức kinh danh Bất Tư Nghị Công Đức dã.

(鈔)傳名不思議神力者，即經名不思議功德也。

(Sao: Truyện có tên là Bất Tư Nghị Thần Lực, tức là nói đến trong danh hiệu của kinh có chữ “công đức chẳng thể nghĩ bàn”).

Kinh này (kinh Di Đà) là Bất Tư Nghị Công Đức Kinh, nên chú Vãng Sanh cũng là Bất Tư Nghị Thần Lực Chú.

(Sao) Trì chú, trì danh, tức đắc vãng sanh, cố đồng danh Bất Tư Nghị.

(鈔)持咒持名，即得往生，故同名不思議。

(Sao: Trì chú hay trì danh đều được vãng sanh, nên cùng gọi là Bất Tư Nghị).

Chú, nói thật ra, là mật thuyết của kinh, có thể nói là tông chỉ và nghĩa thú hoàn toàn giống như kinh. Hôm nay chúng tôi nói đến chỗ này.